

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 5 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị L, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Ông Triệu R, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Sơn Thị L trình bày:*

Bà Sơn Thị L với ông Triệu R chung sống với nhau vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 20/02/2003.

Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Thời gian chung sống hai người có hai con chung: 1/Triệu Thị T, sinh ngày 01/12/2003; 2/Triệu Thị G, sinh ngày 17/3/2006. Hiện cả hai con đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Sơn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Triệu R.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con. Không yêu cầu ông R phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Triệu R không có lời trình bày do vắng mặt.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 108/2021/TB-TLVA ngày 06 tháng 7 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Triệu R nhưng ông R không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị L. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông R để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông R đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông R, không tiến hành hòa giải được và ông R cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Sơn Thị L ly hôn với ông Triệu R. Về con chung: Triệu Thị T đã thành niên có khả năng lao động tự lo cho bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao Triệu Thị G, sinh ngày 17/3/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông R không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Triệu R và bà Sơn Thị L đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông R thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Sơn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Triệu R.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị L với ông Triệu R là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2012 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông R là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Triệu Thị T, sinh ngày 01/12/2003 đã thành niên có khả năng lao động tự lo cho bản thân. Nên không cần phải đặt ra xem xét, giải quyết. Còn Triệu Thị G, sinh ngày 17/3/2006, có nguyện vọng sống cùng mẹ. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà L hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L yêu cầu nên bà L phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Sơn Thị L.
- Về hôn nhân: Bà Sơn Thị L được quyền ly hôn với ông Triệu R.
- Về con chung: Giao Triệu Thị G, sinh ngày 17/3/2006 cho bà Sơn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Riêng Triệu Thị T, sinh ngày 01/12/2003 đã thành niên có khả năng lao động tự lo cho bản thân nên không cần phải đặt ra xem xét, giải quyết. Ông Triệu R không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông R lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông R. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Ông Triệu R không phải nộp án phí.

+ Bà Sơn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0007926 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã V, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**